

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1613/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh
Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính
trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính
phủ ban hành Chương trình Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số
08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở
thành ngành kinh tế mũi nhọn;*

*Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát
triển thành ngành kinh tế mũi nhọn;*

*Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Tỉnh ủy
Kiên Giang về phát triển du lịch của tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng
đến năm 2030;*

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

*Căn cứ Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của UBND
tỉnh Kiên Giang về triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05
năm 2021 - 2025 tỉnh Kiên Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Chủ
tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đề cương Đề án “Phát
triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025, định
hướng đến năm 2030”;*



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Du lịch tại Tờ trình số 32/TTr-SDL ngày 08 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” (đính kèm Đề án) với những nội dung chủ yếu sau.

1. Tên Đề án: Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Quan điểm xây dựng Đề án

a) Phát triển du lịch cộng đồng phải gắn với phát triển kinh tế - xã hội địa phương, với bảo vệ tài nguyên, bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên văn hóa, đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh, quốc phòng.

b) Phát triển du lịch cộng đồng đa dạng và bền vững các sản phẩm, mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử, nghệ thuật, thủ công mỹ nghệ, làng nghề truyền thống....

c) Tranh thủ huy động mọi điều kiện, nguồn lực nhằm khai thác có hiệu quả các điều kiện, tiềm năng và thế mạnh để phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh; ưu tiên bố trí nguồn lực cho đầu tư phát triển du lịch tại các địa bàn nông thôn, hải đảo; thực hiện lồng ghép với các chương trình, dự án như chương trình nông thôn mới, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) để thúc đẩy phát triển du lịch, góp phần đưa du lịch tỉnh Kiên Giang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

d) Phát triển du lịch cộng đồng là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển du lịch của tỉnh, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bền vững...

3. Mục tiêu Đề án

a) Mục tiêu chung

Đề án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 nhằm xây dựng định hướng và đề xuất giải pháp phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, tạo căn cứ pháp lý để lập kế hoạch, xây dựng cơ chế chính sách thu hút đầu tư, khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng, xây dựng cơ chế phối hợp các bên tham gia trong du lịch cộng đồng, góp phần phát triển du lịch bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng hệ thống quan điểm phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Kiên Giang nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả các tiềm năng du lịch gắn với bảo tồn, phát huy

các giá trị về môi trường thiên nhiên và bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng định hướng phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; trong đó, xác định một số địa bàn trọng điểm có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch cộng đồng ở tỉnh Kiên Giang.

- Xây dựng các dự án phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Kiên Giang và kế hoạch triển khai thực hiện các dự án này trong giai đoạn 2021-2025 và các năm tiếp theo.

- Đề xuất các giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang nhằm kết hợp chặt chẽ giữa phát triển du lịch với phát triển kinh tế - xã hội địa phương, thực hiện mục tiêu phát triển du lịch gắn với phát triển cộng đồng, nâng cao đời sống người dân, góp phần đẩy mạnh phong trào xây dựng nông thôn mới.

c) Các chỉ tiêu phấn đấu

- Tất cả các địa bàn có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng được triển khai đề án, xây dựng mô hình phát triển du lịch cộng đồng.

- Các điểm du lịch cộng đồng, chủ thể các mô hình được học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau và nhân rộng mô hình du lịch cộng đồng thành công, được đánh giá theo Tiêu chuẩn quốc gia về du lịch cộng đồng (TCVN 13259:2020).

- Đến năm 2025: Có nhất 03 điểm du lịch cộng đồng được tham gia đánh giá, phân hạng về mức hài lòng của khách du lịch đạt mức đánh giá trung bình trở lên, trong đó, ít nhất 1 điểm du lịch cộng đồng đạt mức tốt.

- Đến năm 2030: Có ít nhất 10 điểm du lịch cộng đồng tham gia đánh giá, phân hạng về mức hài lòng của khách du lịch đạt mức đánh giá trung bình trở lên, trong đó, ít nhất 03 điểm du lịch cộng đồng đạt mức tốt.

4. Các giải pháp chính thực hiện Đề án

a) Nâng cao nhận thức về du lịch

Tăng cường công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức về du lịch cộng đồng cho các cấp lãnh đạo, quản lý, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và người dân nhằm làm cho cán bộ và Nhân dân nhận thức đúng đắn về tiềm năng, lợi thế du lịch cộng đồng của địa phương và vai trò trách nhiệm của mình đối với việc phát triển du lịch cộng đồng. Từ đó, sẽ có những hành động thiết thực như giữ gìn vệ sinh môi trường, thân thiện niềm nở với khách du lịch... Đồng thời, từ nhận thức sẽ góp phần hình thành ý tưởng kinh doanh và đầu tư phát triển du lịch.

b) Phát triển hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch

Đẩy mạnh đầu tư phát triển các công trình kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất-kỹ thuật phục vụ du lịch như đường giao thông, bãi đậu xe, khu vệ sinh công cộng, khu mua sắm, khu vui chơi giải trí, điểm dừng chân và mua bán đặc sản địa phương... Ưu tiên đầu tư phát triển các công trình tạo điểm nhấn để thu hút khách du lịch, thông qua đó mở rộng đến các công trình phục vụ du lịch khác.

c) Phát triển sản phẩm kết hợp xây dựng thương hiệu du lịch

Nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, phát triển sản phẩm mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai đồng bộ các giải pháp xúc tiến, quảng bá hình ảnh du lịch Kiên Giang, liên kết hợp tác phát triển du lịch với các địa phương, tập trung hoàn thiện nâng chất các điểm đến du lịch công đồng theo lộ trình để thu hút du khách.

Tạo điều kiện để phát triển các loại hình sản phẩm du lịch đặc thù dựa trên các thế mạnh về du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh kết hợp du lịch sinh thái và những đặc trưng văn hóa bản địa như: tham quan di tích lịch sử văn hóa và thắng cảnh thiên nhiên, tìm hiểu và trải nghiệm văn hóa bản địa, thưởng thức và mua sắm đặc sản địa phương...

d) Phát triển nguồn nhân lực du lịch

Tổ chức các lớp tập huấn cho các hộ dân tham gia du lịch cộng đồng những kiến thức và kỹ năng du lịch cần thiết như: kỹ năng phục vụ du lịch có trách nhiệm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng cung cấp các dịch vụ du lịch, kỹ năng ngoại ngữ. Đồng thời nâng cao năng lực quản lý điều hành cho Ban đại diện du lịch cộng đồng, đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên tại điểm và các nguồn nhân lực phục vụ du lịch cộng đồng.

đ) Tăng cường thông tin, quảng bá, tiếp thị du lịch

Tăng cường kết nối với các công ty du lịch lữ hành, tập trung xúc tiến, quảng bá du lịch cộng đồng theo chiến dịch trọng điểm, bằng nhiều hình thức, đa dạng cả trong và ngoài nước; sử dụng hiệu quả các phương tiện truyền thông kỹ thuật số, các kênh truyền thông trực tuyến như website, fanpage, panel, video quảng cáo xúc tiến, tờ rơi quảng bá cần được đăng tải bằng cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt để đảm bảo thông tin truyền thông quảng bá được đa dạng.

e) Có chính sách khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng

Khuyến khích người dân đầu tư phát triển du lịch như làm homestay, vườn du lịch, sản xuất hàng lưu niệm, đặc sản địa phương... bằng các quy định cụ thể về hỗ trợ vốn và ưu đãi vốn vay để người dân đầu tư phát triển du lịch cộng đồng. Xây dựng quy chế hoạt động trong mô hình du lịch cộng đồng, xây dựng cơ chế phối hợp và chia sẻ lợi ích giữa các bên liên quan như: Chính quyền địa phương, doanh nghiệp du lịch, chuyên gia tư vấn đối với cộng đồng làm du lịch để đảm bảo phát triển du lịch cộng đồng bền vững.

g) Tăng cường liên kết, phát triển các tuyến điểm du lịch

Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các điểm du lịch ở địa phương với các địa bàn du lịch khác để hình thành hệ thống các tuyến điểm du lịch, góp phần đa dạng các sản phẩm du lịch, tăng cường thu hút khách du lịch. Đồng thời, liên kết với các công ty lữ hành để đưa du khách từ các trung tâm nguồn khách đến địa phương, phối hợp với các địa bàn lân cận xây dựng các chương trình du lịch về nguồn, du lịch sinh thái khám phá thiên nhiên, du lịch văn hóa,...

h) Bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch

Tuyên truyền vận động người dân và khách du lịch nâng cao ý thức bảo vệ môi trường theo nguyên tắc du lịch có trách nhiệm; xây dựng hệ thống xử lý chất thải tại các địa bàn du lịch cộng đồng, kết hợp hệ thống xử lý chất thải du lịch với các loại chất thải sinh hoạt của cộng đồng; xây dựng nếp sống văn hóa, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của địa phương để góp phần phát triển du lịch cộng đồng; đẩy mạnh phát triển các sản phẩm sinh thái, sản phẩm hữu cơ, sản phẩm sạch để phục vụ khách du lịch.

5. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện Đề án là **30.647.426.080** đồng (*ba mươi tỷ, sáu trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi đồng*).

Trong đó:

Nguồn vốn từ Ngân sách Nhà nước: **17.268.226.080** đồng.

Nguồn vốn đối ứng xã hội hóa: **13.379.200.000** đồng.

Phân bổ nguồn vốn theo nội dung và theo năm: Theo Phụ lục 1, 2 đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

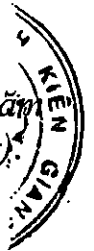
1. Sở Du lịch

Là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án.

Căn cứ vào chương trình hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí để triển khai thực hiện hiệu quả Đề án theo quy định.

Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động của Đề án.

Phối hợp với các sở, ngành liên quan, theo dõi phát hiện những khó khăn, vướng mắc kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.



Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án định kỳ hàng năm, gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Du lịch lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để thực hiện Đề án; kêu gọi các nhà đầu tư, đầu tư xây dựng các dự án phục vụ phát triển du lịch nói chung, du lịch cộng đồng nói riêng.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan trong khả năng ngân sách hàng năm.

4. Sở Văn hóa và Thể thao

Phối hợp với Sở Du lịch khai thác các tài nguyên du lịch văn hóa phục vụ phát triển du lịch cộng đồng.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Du lịch và các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức đào tạo bồi dưỡng, tập huấn các dự án Du lịch cộng đồng và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ, phát triển du lịch cộng đồng của tỉnh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp Sở Du lịch, các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tham mưu đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ du lịch nói chung và du lịch cộng đồng nói riêng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp Sở Du lịch trong các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường gắn với du lịch cộng đồng; triển khai các mô hình bảo vệ môi trường (phân loại rác thải tại nguồn,...) đối với cộng đồng.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Du lịch xây dựng kế hoạch, định hướng nội dung tuyên truyền về phát triển du lịch cộng đồng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Du lịch xây dựng kế hoạch, định hướng phát triển các mô hình du lịch nông nghiệp dựa vào cộng đồng, phát triển sản phẩm OCOP gắn với phát triển du lịch nói chung và du lịch cộng đồng nói riêng.



10. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Du lịch xây dựng kế hoạch, định hướng phát triển hàng hóa và dịch vụ trong lĩnh vực du lịch để tạo điều kiện phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

11. Sở Giao thông vận tải

Phối hợp với Sở Du lịch xây dựng kế hoạch, định hướng phát triển mạng lưới giao thông và phương tiện vận chuyển trong hoạt động du lịch nói chung, du lịch cộng đồng nói riêng.

12. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Du lịch xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống dịch bệnh, phát triển các cơ sở y tế phục vụ du lịch cộng đồng.

13. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Du lịch và các cơ sở đào tạo du lịch trong tỉnh xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về du lịch cho các dự án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

14. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Du lịch, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao nhận thức và tích cực hưởng ứng các hoạt động trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần phát triển du lịch tại địa phương với quan điểm: Phát triển du lịch là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, của toàn xã hội.

15. Hiệp hội Du lịch tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Du lịch và các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh hỗ trợ các hộ dân và các địa phương triển khai các hoạt động phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn.

16. Liên minh Hợp tác xã

Phối hợp với Sở Du lịch hướng dẫn, hỗ trợ cho các hộ dân và các doanh nghiệp du lịch đăng ký thành lập các Hợp tác xã Du lịch hoặc Hợp tác xã Nông nghiệp - Du lịch phù hợp với điều kiện cụ thể trên từng địa bàn.

17. Các tổ chức hội và đoàn thể: Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh đoàn

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia các kế hoạch, dự án phát triển du lịch cộng đồng.

18. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Phối hợp với Sở Du lịch thành lập Ban Chỉ đạo phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn theo Đề án đã được phê duyệt.

- Hỗ trợ các hộ dân tham gia du lịch cộng đồng về thủ tục vay vốn, thủ tục đăng ký kinh doanh tạo điều kiện tốt nhất cho người dân tham gia hoạt động kinh doanh du lịch.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *TL*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh (Đảng, chính quyền, đoàn thể);
- Sở Du lịch (05b);
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng: KGVX, KT, TH;
- Lưu: VT, ltram (01b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lưu Trung



Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP KHAI TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN ĐẾN NĂM 2030

STT	Nội dung công việc	Thành tiền	Cơ cấu nguồn vốn		Năm				
			Vốn NSNN	Vốn đối ứng	2022	2023	2024	2025	2026-2030
1	Tổ chức hội nghị công bố và triển khai Đề án	118.800.000	118.800.000	-	118.800.000				
2	Khảo sát hiện trạng, đề xuất mô hình phát triển DLCĐ	900.018.000	900.018.000	-	900.018.000				
3	Tập huấn về phát triển DLCĐ tại 4 địa bàn (A1, A2, A3, A4)	141.832.000	141.832.000	-	141.832.000				
4	Xây dựng tài liệu hướng dẫn và xây dựng cơ chế, chính sách phát triển DLCĐ	268.356.000	268.356.000	-	268.356.000				
5	Chi ngân sách hỗ trợ 50% chi phí phát triển DLCĐ	6.480.000.000	3.240.000.000	3.240.000.000		6.480.000.000 (Trong đó, vốn đối ứng 3.240.000.000)			
6	Tổ chức các hoạt động học tập, chia sẻ kinh nghiệm phát triển DLCĐ	122.800.000	122.800.000	-		122.800.000			
7	Tổ chức tour thử nghiệm để tạo nguồn khách và kết nối với doanh nghiệp lữ hành	281.680.000	281.680.000	-			281.680.000		
8	Tổ chức đánh giá, công nhận điểm DLCĐ	121.000.000	121.000.000	-			121.000.000		
9	Tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá triển khai đề án giai đoạn 2022 – 2025	118.800.000	118.800.000	-				118.800.000	



10	Tập huấn về phát triển DLCĐ tại 10 địa bàn (B1, B2, B3, B4, B5; C1, C2, C3, C4, C5)	354.580.000	354.580.000	-					354.580.000
11	Chi ngân sách hỗ trợ 50% chi phí phát triển DLCĐ	17.200.000.000	8.600.000.000	8.600.000.000					17.200.000.000 (Trong đó, vốn đối ứng 8.600.000.000)
12	Tổ chức các hoạt động học tập, chia sẻ kinh nghiệm phát triển DLCĐ	122.800.000	122.800.000	-					122.800.000
13	Tổ chức đánh giá, công nhận điểm DLCĐ	302.500.000	302.500.000	-					302.500.000
14	Tổ chức tour thử nghiệm để tạo nguồn khách và kết nối với doanh nghiệp lữ hành	731.200.000	731.200.000	-					731.200.000
15	Tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá triển khai đề án giai đoạn 2026 – 2030	118.800.000	118.800.000	-					118.800.000
	Tổng dự toán	27.121.616.000	15.281.616.000	11.840.000.000	1.429.006.000	3.362.800.000	402.680.000	118.800.000	10.229.880.000
	Chi phí quản lý (3%)	813.648.480	458.448.480	355.200.000	42.870.180	100.884.000	12.080.400	3.564.000	306.896.400
	Chi phí dự phòng (10%)	2.712.161.600	1.528.161.600	1.184.000.000	142.900.600	336.280.000	40.268.000	11.880.000	1.022.988.000
	Tổng cộng thực tế	30.647.426.080	17.268.226.080	13.379.200.000	1.614.776.780	3.799.964.000	455.028.400	134.244.000	11.559.764.400

Phụ lục 2

BẢNG KHÁI TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN ĐẾN NĂM 2030

STT	Năm	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ	Ghi chú
1	2022	Tổ chức hội nghị công bố và triển khai Đề án	Hội nghị	1	118.800.000	118.800.000		
		Hội trường và trang thiết bị, phương tiện phục vụ hội nghị	Hội nghị	1	15.000.000	15.000.000	Theo thực tế	1 hội nghị * 1 ngày
		Nước uống	Người ngày	400	40.000	16.000.000		400 người * 40.000đ/ngày
		Văn phòng phẩm (tài liệu, giấy, bút)	Bộ	400	50.000	20.000.000	Theo thực tế	400 bộ tài liệu
		Hỗ trợ đại biểu không hưởng lương:						150 đại biểu
		+ Tiền ăn	Người ngày	150	200.000	30.000.000		150 người * 200 nghìn/người
		+ Đi lại	Lượt	150	150.000	22.500.000		Theo thực tế
		Chi phí thuê chuyên gia hỗ trợ						
		Di chuyển từ Cần Thơ đến KG	Lượt	4	2.000.000	8.000.000	Khoán theo thực tế	2 người * 2 lượt
		Tiền xe đi lại tại Kiên Giang	Ngày	1	2.000.000	2.000.000	Khoán theo thực tế	1 chuyến * 1 ngày * 2 triệu/ngày
		Thủ lao chuyên gia (bao gồm biên soạn tài liệu)	Ngày	2	2.000.000	4.000.000	Thông tư 36/2018/TT-BTC	2 người * 1 ngày/chuyến * 1 chuyến; 1 ngày chuẩn bị bài trình bày
		Phụ cấp lưu trú	Ngày	2	200.000	400.000		2 người * 1 ngày * 1 chuyến
		Thuê phòng nghỉ	Ngày	2	450.000	900.000		2 người * 1 đêm/chuyến * 1 chuyến
2	2022	Khảo sát hiện trạng, đề xuất mô hình phát triển du lịch cộng đồng	Địa bàn	14	64.287.000	900.018.000		14 địa bàn
		Nghiên cứu, khảo sát tại chỗ						
		Di chuyển	Km	3000	600	1.800.000	Khoán theo thực tế	1 chuyến * 2 chiều * 1500 km/chiều * 10.000 đ/km
		Tiền xe tàu đi lại	Ngày	2	4.000.000	8.000.000	Khoán theo thực tế	1 ngày/địa bàn * 14 địa bàn

		Chủ nhiệm nhiệm vụ	Công	8	669.000	5.352.000		1 người * 8 công/chuyến * 1 chuyến
		Thành viên thực hiện chính	Công	32	425.000	13.600.000		4 người * 8 công/chuyến * 1 chuyến
		Tổng hợp, phân tích, viết báo cáo xây dựng mô hình						
		Chủ nhiệm nhiệm vụ	Công	15	669.000	10.035.000		1 người * 15 công * 14 địa bàn
		Thành viên thực hiện chính	Công	60	425.000	25.500.000		4 người * 15 công * 14 địa bàn
3	2022	Tập huấn về phát triển du lịch cộng đồng tại 4 địa bàn (A1, A2, A3, A4)	Địa bàn	4	35.458.000	141.832.000		4 địa bàn
		Hội trường và trang thiết bị, phương tiện phục vụ hội nghị	Hội nghị	1	10.000.000	10.000.000	Theo thực tế	80 người
		Nước uống	Người ngày	80	40.000	3.200.000		81 bộ tài liệu
		Văn phòng phẩm (tài liệu, giấy, bút)	Bộ	80	50.000	4.000.000	Theo thực tế	
		Chi phí nhóm nghiên cứu báo cáo						
		Di chuyển từ TP. Cần Thơ	Lượt	4	2.500.000	10.000.000	Khoán theo thực tế	2 người * 2 lượt
		Tiền xe đi lại tại Kiên Giang	Ngày	1	3.000.000	3.000.000	Khoán theo thực tế	1 ngày
		Chủ nhiệm nhiệm vụ	Công	2	1.098.000	2.196.000		1 người * 2 công
		Thành viên thực hiện chính	Công	2	681.000	1.362.000		1 người * 2 công
		Phụ cấp lưu trú	Ngày	4	200.000	800.000		2 người * 2 ngày/đợt
		Thuê phòng nghỉ	Người ngày	2	450.000	900.000		3 người * 1 đêm/đợt

4	2022	Xây dựng tài liệu hướng dẫn và xây dựng cơ chế, chính sách phát triển du lịch cộng đồng	Bộ tài liệu	1	268.356.000	268.356.000		
		<i>Xây dựng tài liệu hướng dẫn về du lịch cộng đồng</i>						
		Chủ nhiệm nhiệm vụ	Công	22	669.000	14.718.000		1 người * 22 công/người
		Thành viên thực hiện chính	Công	220	425.000	93.500.000		10 người * 22 công/người
		Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển du lịch cộng đồng						
		Chủ nhiệm nhiệm vụ	Công	22	669.000	14.718.000		1 người * 22 công/người
		Thành viên thực hiện chính	Công	220	425.000	93.500.000		10 người * 22 công/người
		Hội nghị lấy ý kiến góp ý các bên liên quan (2 hội nghị)						
		Hội trường và trang thiết bị, phương tiện phục vụ hội nghị	Hội nghị	2	10.000.000	20.000.000	Theo thực tế	80 người
		Nước uống	Người ngày	160	40.000	6.400.000		81 bộ tài liệu
		Văn phòng phẩm (tài liệu, giấy, bút)	Bộ	160	50.000	8.000.000	Theo thực tế	
		Chi phí nhóm nghiên cứu báo cáo						
		Di chuyển từ TP. Cần Thơ	Lượt	4	2.000.000	8.000.000	Khoán theo thực tế	2 người * 2 lượt
		Tiền xe đi lại tại Kiên Giang	Ngày	1	2.000.000	2.000.000	Khoán theo thực tế	1 ngày
		Chủ nhiệm nhiệm vụ	Công	2	1.098.000	2.196.000		1 người * 2 công
		Thành viên thực hiện chính	Công	4	681.000	2.724.000		1 người * 2 công
		Phụ cấp lưu trú	Ngày	4	200.000	800.000		2 người * 2 ngày/đợt

		Thuê phòng nghỉ	Người ngày	4	450.000	1.800.000		3 người * 1 đêm/đợt
5	2023	Chi ngân sách hỗ trợ 50% chi phí phát triển du lịch cộng đồng	Điểm	4	1.620.000.000	3.240.000.000		Ước tính 50%, đối ứng 50%
		Chi phí phát triển cơ sở hạ tầng tại điểm du lịch cộng đồng	Điểm	1	1.200.000.000	1.200.000.000		
		Chi phí hoàn thiện cơ cấu tổ chức	Điểm	1	60.000.000	60.000.000		
		Chi phí xây dựng cơ chế quản lý	Điểm	1	80.000.000	80.000.000		
		Chi phí phát triển sản phẩm	Điểm	1	150.000.000	150.000.000		
		Chi phí xúc tiến, quảng bá	Điểm	1	50.000.000	50.000.000		
		Chi phí hoàn thiện hồ sơ đánh giá theo tiêu chuẩn TCVN 1359: 2020	Điểm	1	80.000.000	80.000.000		
6	2023	Tổ chức các hoạt động học tập, chia sẻ kinh nghiệm phát triển du lịch cộng đồng	Hội nghị	1	122.800.000	122.800.000		1 hội nghị * 1 ngày
		Hội trường và trang thiết bị, phương tiện phục vụ hội nghị	Hội nghị	1	15.000.000	15.000.000	Theo thực tế	400 người * 40.000đ/ngày
		Nước uống	Người ngày	400	40.000	16.000.000		400 bộ tài liệu
		Văn phòng phẩm (tài liệu, giấy, bút)	Bộ	400	50.000	20.000.000	Theo thực tế	150 đại biểu
		Hỗ trợ đại biểu không hưởng lương:						
		+ Tiền ăn	Người ngày	150	200.000	30.000.000		150 người * 200 nghìn/người
		+ Đi lại	Lượt	150	150.000	22.500.000	Theo thực tế	
		Chi phí thuê chuyên gia hỗ trợ						
		Di chuyển từ TP. Cần Thơ	Lượt	4	2.000.000	8.000.000	Khoản theo thực tế	2 người * 2 lượt

		Tiền xe đi lại tại Kiên Giang	Ngày	1	2.000.000	2.000.000	Khoán theo thực tế	2 chuyến * 1 ngày * 2 triệu/ngày
		Thủ lao chuyên gia (bao gồm biên soạn tài liệu)	Ngày	4	2.000.000	8.000.000	Thông tư 36/2018/TT-BTC	2 người * 2 ngày/đợt
		Phụ cấp lưu trú	Ngày	2	200.000	400.000		2 người * 1 ngày * 1 chuyến
		Thuê phòng nghỉ	Ngày	2	450.000	900.000		2 người * 1 đêm/chuyến * 1 chuyến
7	2024	Tổ chức tour thử nghiệm để tạo nguồn khách và kết nối với doanh nghiệp lữ hành	Tour	4	70.420.000	281.680.000		
		Chi phí thiết kế tour						
		Chủ nhiệm nhiệm vụ	Công	2	1.098.000	2.196.000		1 người * 2 công
		Thành viên thực hiện chính	Công	4	681.000	2.724.000		2 người * 2 công
		Chi phí tổ chức tour						
		Tiền xe vận chuyển khách	Xe	6	4.000.000	24.000.000		2 xe * 3 ngày * 4 triệu đồng
		Tiền ăn của khách	Người ngày	60	250.000	15.000.000		20 khách * 250.000đ/ngày * 3 ngày
		Tiền lưu trú của khách	Người đêm	40	500.000	20.000.000		20 khách * 500.000đ/đêm * 2 đêm
		Chi hoạt động trải nghiệm văn nghệ, văn hóa địa phương	Người	20	100.000	2.000.000		20 khách * 100.000đ * 1 tour
		Chi phí hướng dẫn viên	Người ngày	6	500.000	3.000.000		2 HDV * 500.000đ/ngày * 3 ngày
		Chi phí nước uống, khăn lạnh...	Người ngày	60	25.000	1.500.000		20 khách * 25.000đ/ngày * 3 ngày
8	2024	Tổ chức đánh giá, công nhận điểm du lịch cộng đồng	Hội đồng	4	30.250.000	121.000.000		
		Hội đồng cấp tỉnh						
		Chủ tịch Hội đồng	Người	1	750.000	750.000		

		Thành viên Hội đồng	Người	8	500.000	4.000.000		
		Thành viên tổ thư ký - cán bộ chuyên môn	Người	2	200.000	400.000		
		Đại biểu mời dự	Người	10	100.000	1.000.000		
		Đại diện điếm du lịch báo cáo						
		Chuẩn bị hồ sơ	Người ngày	30	150.000	4.500.000	Theo thực tế	10 người * 3 ngày * 1 điếm
		Hỗ trợ đi lại	Người ngày	30	100.000	3.000.000	Theo thực tế	11 người * 3 ngày * 1 điếm
		Tư vấn và chỉ đạo đánh giá						
		Di chuyển từ Cần Thơ đến Kiên Giang	Lượt	1	2.000.000	2.000.000		
		Tiền xe đi lại tại Kiên Giang	Ngày	2	2.000.000	4.000.000		
		Thù lao chuyên gia (bao gồm biên soạn tài liệu)	Ngày	4	2.000.000	8.000.000		
		Phụ cấp lưu trú	Ngày	4	200.000	800.000		
		Thuê phòng nghỉ	Ngày	4	450.000	1.800.000		
9	2025	Tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá triển khai đề án giai đoạn 2022 - 2025	Hội nghị	1	118.800.000	118.800.000		
		Hội trường và trang thiết bị, phương tiện phục vụ hội nghị	Hội nghị	1	15.000.000	15.000.000	Theo thực tế	1 hội nghị * 1 ngày
		Nước uống	Người ngày	400	40.000	16.000.000		400 người * 40.000d/ngày
		Văn phòng phẩm (tài liệu, giấy, bút)	Bộ	400	50.000	20.000.000	Theo thực tế	400 bộ tài liệu
		Hỗ trợ đại biểu không hưởng lương:						150 đại biểu
		+ Tiền ăn	Người ngày	150	200.000	30.000.000		150 người * 200 nghìn/người



		+ Đi lại	Lượt	150	150.000	22.500.000		Theo thực tế
		Chi phí thuê chuyên gia hỗ trợ						
		Di chuyển từ TP. Cần Thơ	Lượt	4	2.000.000	8.000.000	Khoán theo thực tế	2 người * 2 lượt
		Tiền xe đi lại tại Kiên Giang	Ngày	1	2.000.000	2.000.000	Khoán theo thực tế	1 chuyến * 1 ngày * 2 triệu/ngày
		Thủ lao chuyên gia (bao gồm biên soạn tài liệu)	Ngày	2	2.000.000	4.000.000	Thông tư 36/2018/TT-BTC	2 người * 1 ngày/chuyến * 1 chuyến; 1 ngày chuẩn bị bài trình bày
		Phụ cấp lưu trú	Ngày	2	200.000	400.000		2 người * 1 ngày * 1 chuyến
		Thuê phòng nghỉ	Ngày	2	450.000	900.000		2 người * 1 đêm/chuyến * 1 chuyến
10	2026	Tập huấn về phát triển du lịch cộng đồng tại 8 địa bàn (B1, B2, B3, B4, B5; C1, C2, C3, C4, C5)	Địa bàn	10	35.458.000	354.580.000		10 địa bàn
		Hội trường và trang thiết bị, phương tiện phục vụ hội nghị	Hội nghị	1	10.000.000	10.000.000	Theo thực tế	80 người
		Nước uống	Người ngày	80	40.000	3.200.000		81 bộ tài liệu
		Văn phòng phẩm (tài liệu, giấy, bút)	Bộ	80	50.000	4.000.000	Theo thực tế	
		Chi phí nhóm nghiên cứu báo cáo						
		Di chuyển từ Cần Thơ đến Kiên Giang	Lượt	4	2.500.000	10.000.000	Khoán theo thực tế	2 người * 2 lượt
		Tiền xe đi lại tại Kiên Giang	Ngày	1	3.000.000	3.000.000	Khoán theo thực tế	1 ngày
		Chủ nhiệm nhiệm vụ	Công	2	1.098.000	2.196.000		1 người * 2 công
		Thành viên thực hiện chính	Công	2	681.000	1.362.000		1 người * 2 công
		Phụ cấp lưu trú	Ngày	4	200.000	800.000		2 người * 2 ngày/đợt

		Thuê phòng nghỉ	Người ngày	2	450.000	900.000		3 người * 1 đêm/đợt
11	2027	Chi ngân sách hỗ trợ 50% chi phí phát triển du lịch cộng đồng	Điểm	10	1.720.000.000	8.600.000.000		<i>Ước tính 50%, đối ứng 50%</i>
		Chi phí phát triển cơ sở hạ tầng tại điểm du lịch cộng đồng	Điểm	1	1.200.000.000	1.200.000.000		
		Chi phí hoàn thiện cơ cấu tổ chức	Điểm	1	60.000.000	60.000.000		
		Chi phí xây dựng cơ chế quản lý	Điểm	1	80.000.000	80.000.000		
		Chi phí phát triển sản phẩm	Điểm	1	250.000.000	250.000.000		
		Chi phí xúc tiến, quảng bá	Điểm	1	50.000.000	50.000.000		
		Chi phí hoàn thiện hồ sơ đánh giá theo tiêu chuẩn TCVN 1359: 2020	Điểm	1	80.000.000	80.000.000		
12	2028	Tổ chức các hoạt động học tập, chia sẻ kinh nghiệm phát triển du lịch cộng đồng	Hội nghị	1	122.800.000	122.800.000		
		Hội trường và trang thiết bị, phương tiện phục vụ hội nghị	Hội nghị	1	15.000.000	15.000.000	Theo thực tế	400 người * 40.000đ/ngày
		Nước uống	Người ngày	400	40.000	16.000.000		400 bộ tài liệu
		Văn phòng phẩm (tài liệu, giấy, bút)	Bộ	400	50.000	20.000.000	Theo thực tế	150 đại biểu
		Hỗ trợ đại biểu không hưởng lương:						
		+ Tiền ăn	Người ngày	150	200.000	30.000.000		150 người * 200 nghìn/người
		+ Đi lại	Lượt	150	150.000	22.500.000	Theo thực tế	
		Chi phí thuê chuyên gia hỗ trợ						
		Di chuyển từ TP. Cần Thơ	Lượt	4	2.000.000	8.000.000	Khoán theo thực tế	2 người * 2 lượt

		Tiền xe đi lại tại Kiên Giang	Ngày	1	2.000.000	2.000.000	Khoản theo thực tế	2 chuyến * 1 ngày * 2 triệu/ngày
		Thù lao chuyên gia (bao gồm biên soạn tài liệu)	Ngày	4	2.000.000	8.000.000	Thông tư 36/2018/TT-BTC	2 người * 2 ngày/đợt
		Phụ cấp lưu trú	Ngày	2	200.000	400.000		2 người * 1 ngày * 1 chuyến
		Thuê phòng nghỉ	Ngày	2	450.000	900.000		2 người * 1 đêm/chuyến * 1 chuyến
13	2029	Tổ chức đánh giá, công nhận điểm du lịch cộng đồng	Hội đồng	10	30.250.000	302.500.000		
		<i>Hội đồng cấp tỉnh</i>						
		Chủ tịch Hội đồng	Người	1	750.000	750.000		
		Thành viên Hội đồng	Người	8	500.000	4.000.000		
		Thành viên tổ thư ký- CB chuyên môn	Người	2	200.000	400.000		
		Đại biểu mời dự	Người	10	100.000	1.000.000		
		<i>Đại diện điểm du lịch báo cáo</i>						
		Chuẩn bị hồ sơ	Người ngày	30	150.000	4.500.000	Theo thực tế	10 người * 3 ngày * 1 điểm
		Hỗ trợ đi lại	Người ngày	30	100.000	3.000.000	Theo thực tế	11 người * 3 ngày * 1 điểm
		<i>Tư vấn và chỉ đạo đánh giá</i>						
		Di chuyển từ TP. Cần Thơ	Lượt	1	2.000.000	2.000.000		
		Tiền xe đi lại tại Kiên Giang	Ngày	2	2.000.000	4.000.000		
		Thù lao chuyên gia (bao gồm biên soạn tài liệu)	Ngày	4	2.000.000	8.000.000		
		Phụ cấp lưu trú	Ngày	4	200.000	800.000		



		Thuê phòng nghỉ	Ngày	4	450.000	1.800.000		
14	2029	Tổ chức tour thử nghiệm để tạo nguồn khách và kết nối với doanh nghiệp lữ hành	Tour	10	73.120.000	731.200.000		
		<i>Chi phí thiết kế tour</i>						
		Chủ nhiệm nhiệm vụ	Công	2	1.098.000	2.196.000		1 người * 2 công
		Thành viên thực hiện chính	Công	4	681.000	2.724.000		1 người * 2 công
		<i>Chi phí tổ chức tour</i>						
		Tiền xe vận chuyển khách	Xe	6	4.000.000	24.000.000		3 xe * 3 ngày * 4 triệu đồng
		Tiền ăn của khách	Người ngày	60	250.000	15.000.000		20 khách * 500.000đ/ngày* 3 ngày
		Tiền lưu trú của khách	Người đêm	40	500.000	20.000.000		20 khách * 1.000.000đ/đêm* 2 đêm
		Chi hoạt động trải nghiệm văn nghệ, văn hóa địa phương	Người	20	100.000	2.000.000		20 khách * 100.000đ * 1 tour
		Chi phí hướng dẫn viên	Người ngày	12	500.000	6.000.000		2 HDV * 400.000đ/ngày * 2 ngày
		Chi phí nước uống, khăn lạnh...	Người ngày	60	20.000	1.200.000		20 khách * 20.000đ/ngày* 2 ngày
15	2030	Tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá triển khai đề án giai đoạn 2026 – 2030	Hội nghị	1	118.800.000	118.800.000		
		Hội trường và trang thiết bị, phương tiện phục vụ hội nghị	Hội nghị	1	15.000.000	15.000.000	Theo thực tế	1 hội nghị * 1 ngày
		Nước uống	Người ngày	400	40.000	16.000.000		400 người * 40.000đ/ngày
		Văn phòng phẩm (tài liệu, giấy, bút)	Bộ	400	50.000	20.000.000	Theo thực tế	400 bộ tài liệu

	Hỗ trợ đại biểu không hưởng lương:						150 đại biểu
	+ Tiền ăn	Người ngày	150	200.000	30.000.000		150 người * 200 nghìn/người
	+ Đi lại	Lượt	150	150.000	22.500.000		Theo thực tế
	Chi phí thuê chuyên gia hỗ trợ						
	Di chuyển từ Cần Thơ đến KG	Lượt	4	2.500.000	10.000.000	Khoán theo thực tế	2 người * 2 lượt
	Tiền xe đi lại tại Kiên Giang	Ngày	1	3.000.000	3.000.000	Khoán theo thực tế	1 chuyến * 1 ngày * 2 triệu/ngày
	Thủ lao chuyên gia (bao gồm biên soạn tài liệu)	Ngày	2	2.000.000	4.000.000	Thông tư 36/2018/TT-BTC	2 người * 1 ngày/chuyến * 1 chuyến; 1 ngày chuẩn bị bài trình bày
	Phụ cấp lưu trú	Ngày	2	200.000	400.000		2 người * 1 ngày * 1 chuyến
	Thuê phòng nghỉ	Ngày	2	450.000	900.000		2 người * 1 đêm * 1 chuyến
	Tổng cộng dự toán NSNN				15.281.616.000		
	Tổng cộng vốn đối ứng				11.840.000.000		
	Tổng dự toán				27.121.616.000		
	Chi phí quản lý (3%)				813.648.480		
	Chi phí dự phòng (10%)				2.712.161.600		
	Tổng dự toán thực tế				30.647.426.080		

(Bảng chữ: Ba mươi tỷ, sáu trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi đồng).